

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

- Bản án số: 79/2022/HNGĐ - ST  
- Ngày: 22 – 9 - 2022  
- V/v: " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* ".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Danh Pì Sách**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Hà Ứng Cường**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

**Thư ký phiên tòa:** Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Thị Đ**, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Lộc, xã Thạnh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

( *Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt* )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/08/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thị Đường trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2002, tôi và ông Nguyễn Văn H quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên tôi và ông Hoàng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thị Đ làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Đan Huy, sinh ngày 13/04/2005 và Thị Như Ý, sinh ngày 30/03/2012 hiện nay sống cùng với bà Đ, bà Đ xin được tiếp tục nuôi dưỡng con theo nguyện vọng của con và không yêu cầu ông Hoàng cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại biên bản tự khai ngày 30 tháng 8 năm 2022 bị đơn ông H trình bày:*  
Vào năm 2002 ông và bà Thị Đ thương nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống ông và bà Đ có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Đan Huy, sinh ngày 13/04/2005 và Thị Như Ý, sinh ngày 30/03/2012 hiện nay sống cùng với bà Đ, ông H đồng ý giao 02 người con cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Thị Đ làm đơn ly hôn thì ông đồng ý theo yêu cầu của bà Thị Đ

3. *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Thị Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Thị Đ khởi kiện “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” với ông Nguyễn Văn H và hiện nay bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp Hòa Lộc, xã Thạnh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Thị Đ và ông Nguyễn Văn H đều trình bày, vào năm 2002 bà Đ và ông H có quen biết nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến năm 2018 thì anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ và ông Hoàng sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”.

Từ đó, cho thấy mối quan hệ giữa bà Đ và ông H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định pháp luật.

[2.2] *Về con chung:* Bà Thị Đ và ông Nguyễn Văn H đều xác nhận trong thời gian chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Đan Huy, sinh ngày 13/04/2005 và Thị Như Ý, sinh ngày 30/03/2012 hiện đang sống cùng với bà Đường. Ông Hoàng đồng ý giao 02 người con chung cho bà Đường tiếp tục nuôi

dưỡng theo nguyện vọng của con, bà Đường không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[ 2.3] *Về tài sản chung*: Điều xác nhận trong thời gian chung sống giữa bà Đường và ông Hoàng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[ 2.4] *Về nợ chung*: Bà Thị Đường và ông Nguyễn Văn Hoàng đều xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Bà Thị Đ là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bà Đường được khấu trừ và tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009629, ngày 23/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên bà Đường không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị Đ với bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc: “ *Xin ly hôn, nuôi con chung* ”.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Thị Đ và ông Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Đan Huy, sinh ngày 13/04/2005 và Thị Như Ý, sinh ngày 30/03/2012 cho bà Đ tiếp tục nuôi

dưỡng (*theo nguyện vọng của con*) bà Đ không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên không xem xét vì bà Đ có điều kiện.

Ông Đường có quyền tới lui thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Thị Đ và ông Nguyễn Văn H đều xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Thị Đ và ông Nguyễn Văn H đều xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thị Đ phải nộp 300.000 đồng nhưng bà Đ được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009629, ngày 23/08/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Đường không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Bà Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thạnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Pì Sách**